**CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM ÔN TẬP GIỮA KÌ KHỐI 12 – BAN XH – HKII – 2021-2022**

**PHẦN 1: CÂU HỎI TN BÀI HỌC**

**BÀI 26: CƠ CẤU NGÀNH CÔNG NGHIỆP**

**I. Nhận biết**

**Câu 1:** Biểu hiện rõ nhất của cơ cấu công nghiệp theo ngành được thể hiện ở

**A.** mối quan hệ giữa các ngành công nghiệp trong hệ thống.

**B.** tỉ trọng của từng ngành so với giá trị của toàn ngành.

**C.** sự phân chia các ngành công nghiệp trong hệ thống.

**D.** số lượng các ngành công nghiệp trong toàn bộ hệ thống.

**Câu 2:** Ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta **không** phải là ngành

**A.** có thế mạnh lâu dài. **B.** mang lại hiệu quả cao.

**C.** dựa hoàn toàn vào vốn đầu tư nước ngoài. **D.** có tác động mạnh mẽ đến các ngành khác.

**Câu 3:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với sự chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp nước ta?

**A.** Giảm tỉ trọng công nghiệp chế biến.

**B.** Tăng tỉ trọng công nghiệp chế biến.

**C.** Giảm tỉ trọng công nghiệp khai thác.

**D.** Giảm tỉ trọng công nghiệp sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước.

**Câu 4:** Khu vực có mức độ tập trung công nghiệp vào loại cao nhất trong cả nước là

**A.** Đồng bằng sông Hồng và vùng phụ cận. **B.** Duyên hải NamTrung Bộ.

**C.** Tây Nguyên. **D.** Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 5:** Trung tâm công nghiệp có quy mô lớn nhất của Duyên hải miền Trung là

**A.** Thanh Hoá. **B.** Vinh. **C.** Đà Nẵng. **D.** Nha Trang.

**Câu 6:** Theo cách phân loại hiện hành nước ta có

**A.** 2 nhóm với 28 ngành. **B.** 3 nhóm với 29 ngành.

**C.** 4 nhóm với 30 ngành. **D.** 5 nhóm với 31 ngành.

**Câu 7:** Khu công nghiệp tập trung **không** có đặc điểm nào sau đây?

**A.** Ranh giới xác định. **B.** Có dân cư sinh sống.

**C.** Do Chính phủ thành lập. **D.** Chuyên sản xuất công nghiệp.

**Câu 8:** Khu công nghiệp tập trung của nước ta phân bố tập trung nhất ở vùng nào sau đây?

**A.** Tây Nguyên. **B.** Bắc Trung Bộ.

**C.** Đông Nam Bộ. **D.** Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 9:** Các điểm công nghiệp đơn lẻ của nước ta phân bố chủ yếu ở vùng nào sau đây?

**A.** Tây Nguyên. **B.** Duyên hải Nam Trung Bộ.

**C.** Bắc Trung Bộ. **D.** Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 10:** Vùng nào sau đây của nước ta có ngành công nghiệp phát triển nhất?

**A.** Bắc Trung Bộ. **B.** Đồng bằng sông Hồng.

**C.** Đông Nam Bộ. **D.** Duyên hải Nam Trung Bộ.

**Câu 11:** Cơ cấu sản xuất công nghiệp của nước ta đang chuyển dịch theo hướng nào sau đây?

**A.** Tăng tỉ trọng công nghiệp chế biến. **B.** Tăng tỉ trọng công nghiệp khai thác.

**C.** Tăng tỉ trọng sản phẩm chất lượng thấp. **D.** Giảm tỉ trọng của các sản phẩm cao cấp.

**Câu 12:** Cơ cấu sản xuất công nghiệp của nước ta không chuyển dịch theo hướng nào sau đây?

**A.** Tăng tỉ trọng công nghiệp chế biến. **B.** Giảm tỉ trọng công nghiệp khai thác.

**C.** Tăng tỉ trọng sản phẩm chất lượng thấp. **D.** Tăng tỉ trọng của các sản phẩm cao cấp.

**Câu 13:** Ngành nào sau đây **không** phải là ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta?

**A.** Năng lượng. **B.** Chế biến lương thực - thực phẩm.

**C.** Dệt may. **D.** Hàng không, vũ trụ.

**Câu 14:** Chuyên môn hóa trong sản xuất công nghiệp của hướng Hà Nội - Hải Phòng - Hạ Long - Cẩm Phả là

**A.** vật liệu xây dựng, phân hóa học, đóng tàu. **B.** cơ khí, khai thác than, vật liệu xây dựng.

**C.** cơ khí, luyện kim, hoá chất. **D.** hóa chất, giấy, dệt - may.

**Câu 15:** Chuyên môn hóa trong sản xuất công nghiệp của hướng Hà Nội - Đông Anh - Thái Nguyên là

**A.** cơ khí, khai thác than. **B.** thủy điện. **C.** hóa chất, giấy. **D.** cơ khí, luyện kim.

**Câu 16:** Hoạt động sản xuất công nghiệp phát triển chậm, phân bố phân tán, rời rạc ở

**A.** Duyên hải miền Trung. **B.** Đông Nam Bộ.

**C.** Tây Nguyên. **D.** Đồng Bằng sông Cửu Long.

**Câu 17:** Trong cơ cấu công nghiệp theo thành phần kinh tế, khu vực kinh tế nhà nước gồm hai thành phần là

**A.** trung ương và địa phương. **B.** trung ương và tập thể.

**C.** địa phương và tư nhân. **D.** địa phương và cá thể.

**Câu 18:** Trung tâm công nghiệp quan trọng nhất của Đông Nam Bộ là

**A.** Tp. Hồ Chí Minh. **B.** Biên Hòa. **C.** Vũng Tàu. **D.** Thủ Dầu Một.

**Câu 19:** Vùng có công nghiệp phát triển chậm, phân bố phân tán, rời rạc ở nước ta là

**A.** miền núi. **B.** ven biển. **C.** trung du. **D.** đồng bằng.

**II. Thông hiểu**

**Câu 1:** Cơ cấu sản phẩm công nghiệp của nước ta ngày càng đa dạng chủ yếu là để

**A.** khai thác tốt hơn thế mạnh về khoáng sản. **B.** tận dụng tối đa nguồn vốn từ nước ngoài.

**C.** phù hợp hơn với yêu cầu của thị trường. **D.** sử dụng có hiệu quả hơn nguồn lao động.

**Câu 2:** Ngành công nghiệp nào sau đây của nước ta cần phải đầu tư phát triển đi trước một bước so với các ngành khác?

**A.** Công nghiệp điện tử. **B.** Công nghiệp điện lực.

**C.** Công nghiệp hoá chất. **D.** Công nghiệp thực phẩm.

**Câu 3:** Cơ cấu ngành công nghiệp của nước ta có sự chuyển dịch rõ rệt nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

**A.** Hội nhập vào thị trường khu vực và thế giới. **B.** Thích nghi với thay đổi của thị trường khu vực.

**C.** Phù hợp với xu thế khu vực hóa, toàn cầu hóa. **D.** Thúc đẩy sự phát triển của ngành công nghiệp.

**Câu 4:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với phương hướng chủ yếu để tiếp tục hoàn thiện ngành công nghiệp nước ta?

**A.** Xây dựng cơ cấu ngành tương đối linh hoạt.

**B.** Đầu tư theo chiều sâu và đổi mới trang thiết bị.

**C.** Đẩy mạnh một số ngành công nghiệp trọng điểm.

**D.** Chỉ điều chỉnh một số ngành theo nhu cầu thị trường.

**Câu 5:** Sự phân hóa lãnh thổ công nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng và vùng phụ cận có đặc điểm nổi bật nào sau đây?

**A.** Các trung tâm lớn nhất phân bố tập trung ở ven biển.

**B.** Các trung tâm lớn phân bố chủ yếu ở rìa đồng bằng.

**C.** Nhiều trung tâm có giá trị sản lượng cao nhất cả nước.

**D.** Mức độ tập trung công nghiệp vào loại cao nhất cả nước.

**Câu 6:** Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu làm cho mức độ tập trung công nghiệp hạn chế ở khu vực trung du, miền núi nước ta?

**A.** Sự phân hóa tài nguyên thiên nhiên. **B.** Hạ tầng giao thông vận tải hạn chế.

**C.** Vị trí địa lí không có nhiều thuận lợi. **D.** Thiếu lao động có trình độ kĩ thuật.

**Câu 16:** Vùng nào sau đây có giá trị sản xuất công nghiệp lớn nhất nước ta?

**A.** Bắc Trung Bộ. **B.** Đồng bằng sông Hồng.

**C.** Đông Nam Bộ. **D.** Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 7:** Phát biểu nào sau đây **không** phải là nguyên nhân làm cho sản xuất điện trở thành ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta?

**A.** Nguồn tài nguyên thiên nhiên dồi dào. **B.** Mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao.

**C.** Tác động mạnh mẽ đến các ngành khác. **D.** Vai trò chủ lực trong xuất khẩu hàng hoá.

**Câu 8:** Biểu hiện rõ rệt nhất của quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp ở nước ta thời gian gần đây là

**A.** đẩy mạnh ngành công nghiệp khai khoáng tạo nguồn hàng xuất khẩu.

**B.** tỉ trọng ngành công nghiệp chế biến tăng, ngành công nghiệp khai thác giảm.

**C.** giá trị ngành công nghiệp chế biến tăng, ngành công nghiệp khai thác giảm.

**D.** ngành công nghiệp chế biến có tỉ trọng cao hơn ngành công nghiệp khai thác.

**Câu 9:** Ý nào sau đây **không** phải là phương hướng chủ yếu để tiếp tục hoàn thiện cơ cấu ngành công nghiệp ở nước ta?

**A.** Xây dựng một cơ cấu ngành công nghiệp tương đối linh hoạt.

**B.** Đầu tư theo chiều sâu, đổi mới trang thiết bị và công nghệ.

**C.** Đẩy mạnh phát triển ở tất cả các ngành công nghiệp.

**D.** Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm.

**Câu 10:** Biểu hiện rõ nét nhất trong chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp ở nước ta là

**A.** tỉ trọng ngành công nghiệp chế biến tăng, ngành công nghiệp khai thác giảm.

**B.** ngành công nghiệp chế biến có tỉ trọng thấp hơn ngành công nghiệp khai thác.

**C.** tỉ trọng ngành công nghiệp chế biến giảm, ngành công nghiệp khai thác tăng.

**D.** đẩy mạnh sản xuất hàng hoá để đáp ứng tốt nhu cầu ở trong và ngoài nước.

**Câu 11:** Khu vực có mức độ tập trung công nghiệp vào loại cao nhất cả nước nhưng tổng giá trị sản xuất công nghiệp **không** phải đứng đầu là

**A.** Đông Nam Bộ. **B.** Đồng bằng sông Hồng.

**C.** Đồng bằng sông Cửu Long. **D.** Duyên hải miền Trung.

**III. Vận dụng**

**Câu 1:** Đông Nam Bộ trở thành vùng dẫn đầu cả nước về hoạt động sản xuất công nghiệp do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

**A.** Nhiều trung tâm công nghiệp nhất. **B.** Tài nguyên khoáng sản giàu có nhất.

**C.** Vị trí địa lí thuận lợi cho trao đổi hàng hóa. **D.** Dân số đông, lao động dồi dào, trình độ cao.

**Câu 2:** Ngành công nghiệp nước ta tiếp tục được đầu tư đổi mới trang thiết bị và công nghệ chủ yếu nhằm

**A.** nâng cao về chất lượng và hạ giá thành sản phẩm. **B.** phù hợp tình hình phát triển thực tế của đất nước.

**C.** đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế. **D.** đáp ứng nhu cầu thị trường trong và ngoài nước.

**Câu 3:** Nước ta cần phải xây dựng một cơ cấu ngành công nghiệp tương đối linh hoạt chủ yếu nhằm

**A.** khai thác lợi thế về tài nguyên. **B.** khai thác thế mạnh về lao động.

**C.** nâng cao chất lượng sản phẩm. **D.** thích nghi với cơ chế thị trường.

**Câu 4:** Công nghiệp chế biến sữa phát triển mạnh xung quanh các thành phố lớn do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

**A.** Lao động có kĩ thuật cao. **B.** Cơ sở vật chất kĩ thuật tốt.

**C.** Giao thông vận tải phát triển. **D.** Thị trường tiêu thụ rộng lớn.

**Câu 5:** Nhân tố nào sau đây là chủ yếu làm cho cơ cấu ngành của công nghiệp nước ta tương đối đa dạng?

**A.** Sự phân hóa lãnh thổ công nghiệp ngày càng sâu.

**B.** Trình độ người lao động ngày càng được nâng cao.

**C.** Nguồn nguyên, nhiên liệu nhiều loại và phong phú.

**D.** Nhiều thành phần kinh tế cùng tham gia sản xuất.

**IV. Vận dụng cao**

**Câu 1:** Yếu tố nào sau đây tác động chủ yếu đến việc nâng cao chất lượng sản phẩm công nghiệp nước ta?

**A.** Đầu tư theo chiều sâu, đổi mới trang thiết bị và công nghệ.

**B.** Tập trung vào phát triển nhiều ngành sản xuất khác nhau.

**C.** Gắn với nhu cầu thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước.

**D.** Đào tạo và nâng cao trình độ tay nghề cho người lao động.

**Câu 2:** Cơ cấu ngành công nghiệp nước ta có sự chuyển dịch rõ rệt nhằm mục tiêu chủ yếu nào sau đây?

**A.** Tạo điều kiện để hội nhập vào thị trường thế giới.

**B.** Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường.

**C.** Khai thác hợp lí các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

**D.** Tạo thuận lợi cho việc chuyển dịch cơ cấu lao động.

**BÀI 27: VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN MỘT SỐ NGÀNH CÔNG NGHIỆP TRỌNG ĐIỂM**

**I. Nhận biết**

**Câu 1:** Đường dây tải điện siêu cao áp 500 KV Bắc - Nam nối hai địa điểm nào sau đây?

**A.** Hòa Bình - Cà Mau. **B.** Lạng Sơn - Cà Mau.

**C.** Hòa Bình - Phú Lâm. **D.** Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh.

**Câu 2:** Nhà máy nhiệt điện chạy bằng than có công suất lớn nhất nước ta là

**A.** Ninh Bình. **B.** Na Dương. **C.** Phả Lại. **D.** Uông Bí.

**Câu 3:** Trong cơ cấu sản lượng điện của nước ta hiện nay, tỉ trọng lớn nhất thuộc về.

**A.** thuỷ điện. **B.** điện nguyên tử.

**C.** nhiệt điện từ than. **D.** nhiệt điện từ điêzen - khí.

**Câu 4:** Tiềm năng thủy điện nước ta tập trung nhiều nhất ở vùng

**A.** Trung du và miền núi Bắc Bộ. **B.** Đồng bằng sông Hồng.

**C.** Duyên hải miền Trung. **D.** Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 5:** Các nhà máy nhiệt điện ở phía Bắc nước ta hoạt động chủ yếu dựa vào nguồn nhiên liệu nào sau đây?

**A.** Khí đốt. **B.** Dầu nhập nội. **C.** Than. **D.** Năng lượng mới.

**Câu 6:** Vùng nào ở nước ta có lợi thế nhất để phát triển ngành công nghiệp chế biến thủy, hải sản?

**A.** Bắc Trung Bộ. **B.** Duyên Hải Nam Trung Bộ.

**C.** Đồng bằng Sông Cửu Long. **D.** Đông Nam Bộ.

**Câu 7:** Ngành nào sau đây **không** thuộccông nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm?

**A.** Chế biến gạo, ngô xay xát. **B.** Dệt- may.

**C.** Sản xuất rượu, bia, nước ngọt. **D.** Chế biến chè, cà phê, thuốc lá.

**Câu 8:** Các nhà máy nhiệt điện nào sau đây chạy bằng khí đốt?

**A.** Phú Mĩ và Cà Mau. **B.** Hiệp phước và Na Dương.

**C.** Thủ Đức và Uông Bí. **D.** Hiệp Phước và Thủ Đức.

**Câu 9:** Công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm ở nước ta **không** có ngành nào sau đây?

**A.** gỗ và lâm sản. **B.** sản phẩm trồng trọt.

**C.** sản phẩm chăn nuôi. **D.** thủy, hải sản.

**Câu 10:** Trong cơ cấu sản lượng điện của nước ta hiện nay, tỉ trọng lớn nhất thuộc về

**A.** nhiệt điện, thuỷ điện. **B.** nhiệt điện, điện gió.

**C.** thuỷ điện, điện nguyên tử. **D.** thuỷ điện, điện gió.

**Câu 11:** Nhiều nhà máy thuỷ điện được xây dựng nhiều ở nước ta vì

**A.** giá thành xây dựng thấp. **B.** tiềm năng thuỷ điện rất lớn.

**C.** không tác động tới môi trường. **D.** trình độ khoa học - kĩ thuật cao.

**Câu 12:** Ở nước ta, ngành công nghiệp nào sau đây cần ưu tiên đi trước một bước?

**A.** Điện lực. **B.** Sản xuất hàng tiêu dùng.

**C.** Chế biến dầu khí. **D.** Chế biến nông - lâm - thuỷ sản.

**Câu 13:** Tiềm năng thuỷ điện lớn nhất của nước ta tập trung trên hệ thống sông

**A.** Sông Đồng Nai. **B.** Sông Hồng. **C.** Sông Thái Bình. **D.** Sông Mã.

**Câu 14:** Nhà máy thuỷ điện có công suất lớn nhất nước ta hiện nay là

**A.** Sơn La. **B.** Hoà Bình. **C.** Trị An. **D.** Yaly.

**Câu 15:** Mỏ than lớn nhất ở Trung du miền núi Bắc Bộ ở tỉnh nào sau đây?

**A.** Lạng Sơn. **B.** Lào Cai. **C.** Thái Nguyên. **D.** Quảng Ninh.

**Câu 16:** Các nhà máy nhiệt điện chạy bằng dầu - khí khôngphát triển ở phía Bắc vì

**A.** gây ô nhiễm môi trường. **B.** vốn đầu tư xây dựng lớn.

**C.** xa nguồn nguyên liệu dầu - khí. **D.** nhu cầu về điện không nhiều.

**Câu 17:** Than nâu tập trung nhiều nhất ở vùng nào sau đây?

**A.** Trung du miền núi Bắc Bộ. **B.** Đông Nam Bộ.

**C.** Đồng bằng sông Hồng. **D.** Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 18:** Ngành công nghiệp khai thác nhiên liệu của nước ta tập trung chủ yếu ở

**A.** Trung du miền núi Bắc Bộ.

**B.** Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ.

**C.** Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long.

**D.** Đông Nam Bộ và Trung du miền núi Bắc Bộ.

**Câu 19:** Ý nào dưới đây **không** phải là nguyên nhân làm cho sản lượng điện nước ta tăng nhanh?

**A.** Nhiều nhà máy điện có quy mô lớn đi vào hoạt động.

**B.** Đáp ứng việc xuất khẩu điện sang các nước láng giềng.

**C.** Nước ta có nhiều tiềm năng phát triển công nghiệp điện lực.

**D.** Nhu cầu điện để phục vụ sản xuất và đời sống ngày càng lớn.

**II. Thông hiểu**

**Câu 1:** Đâu là điểm khác nhau cơ bản giữa các nhà máy nhiệt điện ở miền Bắc với miền Nam?

**A.** Các nhà máy ở miền Nam thường có quy mô lớn hơn.

**B.** Miền Bắc sử dụng than, miền Nam sử dụng dầu hoặc khí.

**C.** Miền Bắc gần vùng nguyên liệu, miền Nam gần các thành phố.

**D.** Các nhà máy ở miền Bắc được xây dựng sớm hơn ở miền Nam.

**Câu 2:** Hoạt động của các nhà máy thủy điện nước ta gặp khó khăn chủ yếu nào sau đây?

**A.** Sông ngòi ngắn và dốc. **B.** Cơ sở hạ tầng yếu kém.

**C.** Sự phân mùa của khí hậu. **D.** Thiếu lao động kĩ thuật.

**Câu 3:** Công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm của nước ta phát triển dựa vào điều kiện thuận lợi chủ yếu nào sau đây?

**A.** Nguồn vốn đầu tư lớn. **B.** Cơ sở hạ tầng phục đồng bộ.

**C.** Nguồn lao động có trình độ cao. **D.** Nguồn nguyên liệu tại chỗ phong phú.

**Câu 4:** Các nhà máy nhiệt điện chạy bằng than **không** phát triển ở phía Nam chủ yếu là do

**A.** xa các nguồn nhiên liệu than. **B.** xây dựng đòi hỏi vốn lớn hơn.

**C.** ít nhu cầu về điện hơn phía Bắc. **D.** gây ô nhiễm môi trường.

**Câu 5:** Công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nước ta phát triển chủ yếu dựa vào

**A.** thị trường tiêu thụ rất rộng lớn. **B.** cơ sở vật chất kỹ thuật rất tốt.

**C.** nguồn lao động dồi dào, giá rẻ. **D.** nguồn nguyên liệu phong phú.

**Câu 6:** Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây khiến cơ cấu công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm của nước ta đa dạng?

**A.** Nhiều thành phần kinh tế tham gia sản xuất. **B.** Nguồn nguyên liệu tại chỗ phong phú.

**C.** Nguồn lao động được nâng cao tay nghề. **D.** Cơ sở vật chất kĩ thuật được nâng cấp.

**Câu 7:** Ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm của nước ta phát triển mạnh chủ yếu do điều kiện nào sau đây?

**A.** Cơ sở vật chất kĩ thuật được nâng cấp. **B.** Vị trí nằm gần các trung tâm công nghiệp.

**C.** Mạng lưới giao thông có nhiều thuận lợi. **D.** Nguồn nguyên liệu tại chỗ phong phú.

**Câu 8:** Khó khăn lớn nhất của việc khai thác thủy điện nước ta là

**A.** cơ sở hạ tầng còn nhiều hạn chế. **B.** chế độ nước thất thường.

**C.** lưu lượng nước sông ngòi nhỏ. **D.** sông ngòi ngắn và dốc.

**Câu 9:** Cơ sở để phân chia ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm thành 3 phân ngành là

**A.** phân bố sản xuất. **B.** đặc điểm sản xuất. **C.** nguồn nguyên liệu. **D.** công dụng sản phẩm.

**Câu 10:** Công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm tập trung tại vùng đồng bằng do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

**A.** Vị trí địa lí thuận lợi. **B.** Lao động dồi dào.

**C.** Cơ sở hạ tầng hiện đại. **D.** Nguyên liệu dồi dào.

**Câu 11:** Ngành công nghiệp nào sau đây của nước ta cần phát triển đi trước một bước?

**A.** Điện tử. **B.** Hóa chất. **C.** Cơ khí. **D.** Năng lượng.

**Câu 12:** Chế biến lương thực, thực phẩm là ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta chủ yếu do

**A.** sản phẩm phong phú, hiệu quả kinh tế cao, phân bố rộng khắp.

**B.** cơ cấu đa dạng, thúc đẩy nông nghiệp phát triển, tăng thu nhập.

**C.** tỉ trọng lớn nhất, đáp ứng nhu cầu rộng, thu hút nhiều lao động.

**D.** thế mạnh lâu dài, hiệu quả cao, thúc đẩy ngành khác phát triển.

**Câu 13:** Các cơ sở chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa tập trung ven các đô thị lớn của nước ta là do

**A.** gần nguồn nguyên liệu và cơ sở vật chất - kĩ thuật hiện đại.

**B.** có lực lượng lao động đông đảo và gần nguồn nguyên liệu.

**C.** gần thị trường tiêu thụ và nguồn nguyên liệu.

**D.** gần các cơ sở chăn nuôi bò sữa quy mô lớn.

**Câu 14:** Các cơ sở chế biến thịt và các sản phẩm từ thịt tập trung ven các đô thị lớn của nước ta là do

**A.** gần nguồn nguyên liệu và cơ sở vật chất - kĩ thuật hiện đại.

**B.** có lực lượng lao động đông đảo và gần nguồn nguyên liệu.

**C.** gần thị trường tiêu thụ và nguồn nguyên liệu.

**D.** gần các cơ sở chăn nuôi bò sữa quy mô lớn.

**Câu 15:** Ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm là ngành công nghiệp trọng điểm **không** phảivì đây là ngành

**A.** có thế mạnh phát triển lâu dài. **B.** mang lại hiệu quả kinh tế cao.

**C.** cần nguồn lao động đông, trình độ cao. **D.** tác động mạnh mẽ đến các ngành khác.

**Câu 16:** Vấn đề cấp bách được đặt ra trong phát triển công nghiệp ở nước ta hiện nay là tình trạng

**A.** gây ô nhiễm môi trường. **B.** mất đất làm nông nghiệp.

**C.** chênh lệch giàu nghèo lớn. **D.** đe dọa ngành truyền thống.

**III. Vận dụng**

**Câu 1:** Nước ta phát triển được nhiều ngành công nghiệp khác nhau chủ yếu dựa trên

**A.** nguồn lao động đông đảo, tăng nhanh. **B.** thị trường ngày càng phát triển mạnh.

**C.** cơ sở hạ tầng ngày càng được hiện đại. **D.** nguồn tài nguyên thiên nhiên đa dạng.

**Câu 2:** Sự thiếu ổn định về sản lượng điện của các nhà máy thủy điện ở nước ta chủ yếu là do

**A.** sông ngòi ngắn dốc. **B.** cơ sở hạ tầng còn yếu.

**C.** sự phân mùa của khí hậu. **D.** lưu lượng nước sông nhỏ.

**Câu 3:** Ngành công nghiệp chế biến thủy, hải sản ở nước ta phát triển mạnh trước hết do

**A.** nguồn nguyên liệu phong phú. **B.** nguồn lao động dồi dào, giá rẻ.

**C.** thị trường tiêu thụ rộng lớn. **D.** có nguồn vốn đầu tư lớn.

**Câu 4:** Ngành công nghiệp xay xát ở nước ta phát triển mạnh dựa trên điều kiện nào sau đây?

**A.** Nguồn nguyên liệu dồi dào, phong phú. **B.** Nhu cầu của thị trường tăng rất nhanh.

**C.** Cần ít vốn đầu tư, quay vòng vốn nhanh. **D.** Nhu cầu chất lượng sản phẩm tăng cao.

**Câu 5:** Điểm khác biệt lớn nhất trong sản xuất điện của miền Nam so với miền Bắc nước ta là

**A.** có nhiều nhà máy thủy điện công suất lớn hơn. **B.** có nhiều nhà máy nhiệt điện với công suất lớn hơn.

**C.** xây dựng được một số nhà máy điện nguyên tử. **D.** có các nhà máy nhiệt điện sử dụng than antraxit.

**Câu 6:** Đồng bằng sông Cửu Long có ngành công nghiệp xay xát phát triển mạnh chủ yếu do có

**A.** nhiều nguyên liệu. **B.** cơ sở hạ tầng tốt. **C.** thị trường rất lớn. **D.** truyền thống lâu đời.

**IV. Vận dụng cao**

**Câu 1:** Giải pháp nào sau đây có tác động chủ yếu đến việc phát triển khai thác dầu khí ở nước ta?

**A.** Nâng cao trình độ của nguồn lao động. **B.** Đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu dầu thô.

**C.** Tăng cường liên doanh với nước ngoài. **D.** Phát triển mạnh công nghiệp lọc hóa dầu.

**Câu 2:** Trong hoạt động khai thác dầu khí ở thềm lục địa nước ta, vấn đề quan trọng nhất được đặt ra là

**A.** phải khai thác hạn chế nguồn tài nguyên này.

**B.** tránh để xảy ra các sự cố môi trường trên biển.

**C.** tránh xung đột với các nước chung biển Đông.

**D.** phải theo dõi các thiên tai thường có ở biển Đông.

**BÀI 28: VẤN ĐỀ TỔ CHỨC LÃNH THỔ CÔNG NGHIỆP**

**I. Nhận biết**

**Câu 1:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với điểm công nghiệp?

**A.** Các xí nghiệp không có mối liên hệ sản xuất. **B.** Phân bố gần nguồn nguyên, nhiên liệu.

**C.** Chỉ bao gồm 1 đến 2 xí nghiệp riêng lẻ. **D.** Hình thành từ đầu thập niên 90 của thế kỉ XX.

**Câu 2:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với khu công nghiệp nước ta?

**A.** Do chính phủ quyết định thành lập. **B.** Không có ranh giới địa lí xác định.

**C.** Không có dân cư sinh sống. **D.** Chuyên sản xuất công nghiệp.

**Câu 3:** Phát biểu nào sau đây đúng với đặc điểm khu công nghiệp ở nước ta?

**A.** Có ranh giới địa lí xác định. **B.** Đồng nhất với điểm dân cư.

**C.** Do Quốc hội quyết định thành lập. **D.** Chuyên sản xuất hàng xuất khẩu.

**Câu 4:** Ngành chuyên môn hóa ở trung tâm Vũng Tàu là

**A.** hóa chất. **B.** dầu khí. **C.** luyện kim. **D.** đóng tàu.

**Câu 5:** Vùng nào sau đây dẫn đầu cả nước về giá trị sản xuất công nghiệp?

**A.** Đồng bằng sông Cửu Long. **B.** Đồng bằng sông Hồng

**C.** Duyên hải Nam Trung Bộ. **D.** Đông Nam Bộ.

**Câu 6:** Những trung tâm công nghiệp nào sau đây được xếp vào nhóm trung tâm công nghiệp có ý nghĩa vùng?

**A.** Hải Phòng, Hà Nội, Nha Trang. **B.** Đà Nẵng, Huế, Hà Nội.

**C.** Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ. **D.** TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Vũng Tàu.

**Câu 7:** Điểm công nghiệp thường tập trung ở các vùng nào sau đây?

**A.** Đồng bằng sông Hồng, Đông Nam Bộ. **B.** Bắc Trung Bộ, Đông Nam Bộ.

**C.** Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung Bộ. **D.** Tây Nguyên, Tây Bắc.

**Câu 8:** Vùng có số lượng khu công nghiệp nhiều nhất ở nước ta là

**A.** Đồng bằng sông Hồng. **B.** Đồng bằng sông Cửu Long.

**C.** Bắc Trung Bộ. **D.** Đông Nam Bộ.

**Câu 9:** Nước ta có mấy vùng công nghiệp?

**A.** 5. **B.** 6. **C.** 7. **D.** 8.

**Câu 10:** Khu công nghiệp tập trung có đặc điểm là

**A.** thường gắn liền với một đô thị vừa hoặc lớn, đông dân.

**B.** có phân định ranh giới rõ ràng, không có dân cư sinh sống.

**C.** thường gắn liền với một điểm dân cư, có vài xí nghiệp.

**D.** ranh giới mang tính quy ước, không gian lãnh thổ khá lớn.

**Câu 11:** Việc phân chia các trung tâm công nghiệp ở nước ta thành trung tâm rất lớn, trung tâm lớn, trung tâm trung bình, trung tâm nhỏ là dựa vào

**A.** giá trị sản xuất. **B.** vị trí địa lí. **C.** diện tích. **D.** vai trò.

**II. Thông hiểu**

**Câu 1:** Biểu hiện nào dưới đây cho thấy Đồng bằng sông Hồng là nơi có mức độ tập trung công nghiệp cao nhất cả nước?

**A.** Tỉ trọng giá trị công nghiệp cao nhất cả nước. **B.** Các trung tâm công nghiệp quy mô lớn nhất.

**C.** Tập trung nhiều trung tâm công nghiệp nhất. **D.** Những trung tâm công nghiệp ở rất gần nhau.

**Câu 2:** Nước ta xây dựng các khu công nghiệp tập trung chủ yếu nhằm mục đích

**A.** sản xuất để phục vụ tiêu dùng. **B.** thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

**C.** đẩy mạnh sự phân hóa lãnh thổ công nghiệp. **D.** tạo sự hợp tác giữa các ngành công nghiệp.

**III. Vận dụng**

**Câu 1:** Việc tạo ra các thế mạnh công nghiệp khác nhau của từng vùng trên lãnh thổ nước ta là do

**A.** sự đa dạng của tài nguyên. **B.** các nguyên liệu nhập khẩu.

**C.** sự phân bố của tài nguyên. **D.** tài nguyên có trữ lượng lớn.

**Câu 2:** Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho Đông Nam Bộ có giá trị sản xuất công nghiệp lớn nhất nước ta?

**A.** Tài nguyên thiên nhiên giàu có. **B.** Nguồn nhân lực có trình độ tay nghề cao.

**C.** Mức độ tập trung công nghiệp cao nhất cả nước. **D.** Khai thác có hiệu quả các thế mạnh vốn có.

**Câu 3:** Việc hình thành các khu công nghiệp tập trung ở nước ta còn hạn chế chủ yếu do

**A.** ít tài nguyên khoáng sản. **B.** thiếu lao động.

**C.** cơ sở hạ tầng hạn chế. **D.** nhiều thiên tai.

**PHẦN II: CÂU HỎI ATLAT**

**TRANG 21- CÔNG NGHIỆP CHUNG.**

**Câu 1:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành sản xuất sản xuất ô tô?

 **A.** Vũng Tàu. **B.** Biên Hòa. **C.** Thủ Dầu Một. **D.** TP Hồ Chí Minh.

**Câu 2.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết địa phương nào có ngành công nghiệp chế biến nông sản ở Tây Nguyên?

 **A.** Gia Nghĩa. **B.** Buôn Ma Thuột.  **C.** Đà Lạt.  **D.** Pleiku.

**Câu 3:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có luyện kim màu?

 A. Thái Nguyên. B. Việt Trì. C. Cẩm Phả. D. Nam Định.

**Câu 4.** Căn cứ vào Át lát Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành dệt, may?

 **A.** Thanh Hóa. **B.** Hạ Long. **C.** Cần Thơ. **D.** Nha Trang.

**Câu 5**. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành đóng tàu?

 A. Thanh Hóa. B. Vinh. C. Huế . D. Hải Phòng.

**Câu 6:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành luyện kim đen?

 **A.** Hải Phòng. **B.** Hạ Long. **C.** Cà Mau. **D.** Tân An.

**Câu 7.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, hãy cho biết các trung tâm công nghiệp có quy mô trên 120 nghìn tỉ đồng?

A. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh. B. Hải Phòng, Bà Rịa- Vũng Tàu.

C. Hà Nội, Hải Phòng. D. TP. Hồ Chí Minh, Thủ Dầu Một.

**Câu 8.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, hãy cho biết các trung tâm công nghiệp có quy mô từ 9 – 40 nghìn tỉ đồng của Đồng bằng Sông Cửu Long?

A. Cần Thơ, Long Xuyên. B. Cần Thơ, Cà Mau.

C. Cà Mau, Long Xuyên. D. Sóc Trăng, Mỹ Tho.

**Câu 9.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, hãy sắp xếp các trung tâm công nghiệp sau đây theo thứ tự từ Bắc vào Nam?

A. Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ. B. Đà Nẵng, Cần Thơ, Hải Phòng.

C. Hải Phòng, Cần Thơ, Đà Nẵng. D. Cần Thơ, Hải Phòng, Đà Nẵng.

**Câu 10**. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, hãy cho biết trung tâm công nghiệp Vinh thuộc tỉnh nào sau đây?

A. Quảng Bình. B. Quảng Trị. C. Hà Tĩnh. D. Nghệ An.

**Câu 11:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết các trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành sản xuất ô tô?

**A.** TP Hồ Chí Minh, Vũng Tàu. **B.** Hà Nội, TP Hồ Chí Minh.

**C.** Hà Nội, Đà Nẵng. **D.** Hải Phòng, TP Hồ Chí Minh.

**Câu 12.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, hãy cho biết vùng có mức độ tập trung công nghiệp vào loại cao nhất cả nước?

A. Duyên hải miền Trung. B. Đông Nam Bộ.

C. Đồng bằng sông Cửu Long. D. Đồng bằng sông Hồng.

**Câu 13:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, cho biếttrung tâm công nghiệp Quy Nhơn thuộc tỉnh nào sau đây?

 **A.** Khánh Hòa. **B.** Quảng Nam. **C.** Bình Định. **D.** Quảng Ngãi.

**Câu 14.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, hãy cho biết các trung tâm công nghiệp thuộc vùng Đông Nam Bộ là

A. Thành Phố Hồ Chí Minh, Phan Thiết. B. Thành Phố Hồ Chí Minh, Tân An.

C. Thành Phố Hồ Chí Minh, Thủ Dầu Một. D. Vũng Tàu, Biên Hòa, Cần Thơ.

**Câu 15.** Căn cứ vào Át lát Địa lí Việt Nam trang 21, ngành công nghiệp nào sau đây không có trong cơ cấu ngành của trung tâm công nghiệp Hải Phòng?

A. Chế biến nông sản B. Đóng tàu

C. Sản xuất vật liệu xây dựng D. luyện kim màu

**Câu 16.** Căn cứ vào Át lát Địa lí Việt Nam trang 21, các trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành công nghiệp luyện kim màu?

A. Hà Nội, TP Hồ Chí MinhB.Thái Nguyên, TP Hồ Chí Minh

**C.** TP Hồ Chí Minh, Thủ Dầu Một D. TP Hồ Chí Minh, Vũng Tàu.

**Câu 17.** Căn cứ vào Át lát Địa lí Việt Nam trang 21, các trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành sản xuất ô tô ở nước ta?

A. Hải Phòng, TP Hồ Chí MinhB.Hà Nội, Đà Nẵng

**C.** TP Hồ Chí Minh, Hà Nội D. TP Hồ Chí Minh, Vũng Tàu

**Câu 18:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, cho biếttrung tâm công nghiệp nào sau đây có số lượng ngành ít nhất?

 **A.** Nha Trang. **B.** Biên Hòa. **C.** Hải Phòng. **D.** Hà Nội.

**Câu 19:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, cho biếttrung tâm công nghiệp Bỉm Sơn thuộc tỉnh nào sau đây?

**A.** Ninh Bình. **B.** Nghệ An. **C.** Thanh Hóa. **D.** Nam Định.

**TRANG 22: CÔNG NGHIỆP TRỌNG ĐIỂM**

**Câu 1:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô nhỏ?
 A. Thanh Hóa. B. Vinh. C. Đà Nẵng. D. Quy Nhơn.

**Câu 2.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết ngành chế biếnnào sau đây **không** có ở trung tâm công nghiệp Đà Nẵng?

A. Lương thực. B. Thủy hải sản. C. Đường sữa, bánh kẹo. D. Rượu, bia, nước giải khát.

**Câu 3**. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm nào sau đây có qui mô vừa?

 A. Hạ Long. B. Hải Phòng. C. Vinh. D. Huế.

**Câu 4**. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết ngành công nghiệp chế biến rượu, bia, nước giải khát có mặt ở những trung tâm công nghiệp nào?

 A. Hà Nội. B. Hạ Long. C. Quy Nhơn. D. Biên Hòa.

**Câu 5**. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết các trung tâm công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm nào sau đây có qui mô vừa?

 A. Hà Nội. B. Thái Nguyên. C. Huế. D. Cần Thơ.

**Câu 6.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết nhà máy nhiệt điện nào có công suất trên 1000 MW?

 A. Na Dương. B. Uông Bí. C. Bà Rịa. D. Cà Mau.

**Câu 7.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết nhà máy thủy điện Cửa Đạt được xây dựng trên hệ thống sông nào?

 A. Sông Đà. B. Sông Lô. C. Sông Chu. D. Sông Cả.

**Câu 8**. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết mỏ khí đốt ở miền Bắc nước ta là

 A. Lan Đỏ. B. Lan Tây. C. Bạch Hổ. D. Tiền Hải.

**Câu 9**. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết nhà máy nhiệt điện có công suất lớn nhất ở miền Bắc nước ta là

 A. Phả Lại. B. Uông Bí. C. Na Dương. D. Ninh Bình.

**Câu 10**.Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết ngành dệt may có mặt ở trung tâm công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng nào?

 A. Việt Trì B. Bắc Giang. C.Yên Bái. D. Phúc Yên.

**Câu 11**: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng Quy Nhơn có ngành nào sau đây?

 A. Dệt may. B. Da giày. C. Giấy, in, văn phòng phẩm. D. Gỗ, giấy, xenlulo.

**Câu 12**. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng nào sau đây có qui mô nhỏ?

 A. Việt Trì. B. Huế. C. Quy Nhơn. D. Nha Trang.

**Câu 13**. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng có qui mô rất lớn là

 A. Tp. Hồ Chí Minh. B. Vũng Tàu. C. Biên Hòa. D. Thủ Dầu Một.

**Câu 14**. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết ngành sản xuất hàng tiêu dùng có mặt ở trung tâm công nghiệp Pleiku là

 A. dệt may. B. da, giày. C. gỗ, giấy, xenlulo. D. giấy, in, văn phòng phẩm.

**Câu 15.**Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp Thanh Hóa **không** có ngành sản xuất hàng tiêu dùng nào sau đây?

A. Dệt, may. B. Da, giày. C. Gỗ, giấy, xenlulô. D. Giấy, in, văn phòng phẩm.

**Câu 16.**Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp Cần Thơ **không** có ngành sản xuất hàng tiêu dùng nào sau đây?

A. Dệt, may. B. Da, giày. C. Gỗ, giấy, xenlulô. D. Giấy, in, văn phòng phẩm.

**Câu 17.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm nào sau đây có qui mô rất lớn?

 A. Hà Nội. B. Hải Phòng. C. Nha Trang. D. Biên Hòa.

**Câu 18:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết các nhà máy nhiệt điện nào sau đây có công suất trên 1000MW?

**A.** Na Dương, Phả Lại, Phú Mỹ. **B.** Phả Lại, Phú Mỹ, Cà Mau.

**C.** Phả Lại, Phú Mỹ, Trà Nóc. **D.** Bà Rịa, Phả Lại, Uông Bí.

**Câu 19:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, hãy cho biết các nhà máy nhiệt điện nào sau đây thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

**A.** Trà Nóc, Cà Mau. **B.** Phú Mỹ, Thủ Đức

**C.** Na Dương, Ninh Bình. **D.** Phả Lại, Uông Bí.

**Câu 20:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết nhà máy điện nào sau đây **không** chạy bằng than?

**A.** Na Dương. **B.** Uông Bí. **C.** Bà Rịa. **D.** Ninh Bình.

**Câu 21:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp Thanh Hóa **không** có ngành nào sau đây?

**A.** Chế biến nông sản. **B.** Cơ khí. **C.** Sản xuất giấy, xenlulô. **D.** Sản xuất ô tô.

**Câu 22:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết dầu mỏ được khai thác ở địa điểm nào sau đây?

**A.** Rạng Đông. **B.** Quỳnh Nhai. **C.** Tiền Hải. **D.** Phú Lương.

**Câu 23:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết khí tự nhiên được khai thác ở địa điểm nào sau đây?

**A.** Lan Đỏ. **B.** Quỳnh Nhai. **C.** Đại Hùng. **D.** Phú Lương.

**PHẦN 3: BẢNG SỐ LIỆU, BIỂU ĐỒ**

**Câu 1:** Cho biểu đồ về GDP của nước ta năm 2010 và năm 2018:



*(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)*

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

**A.** Quy mô và cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế.

**B**. Chuyển dịch cơ cấu GDP phân theo ngành kinh tế.

**C**. Giá trị sản xuất GDP phân theo thành phần kinh tế.

**D**. Tốc độ tăng trưởng GDP của các thành phần kinh tế.

**Câu 2:** Cho biểu đồ: **DIỆN TÍCH LÚA CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 – 2018.**



 Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

**A.** Tốc độ tăng trưởng diệntích lúa nướcta, giaiđoạn2010 – 2018.

**B.** Cơ cấu diện tích cây lúa của nướcta, giaiđoạn từ2010 – 2018.

**C.** Quy mô vàcơ cấu diệntích lúa nướcta, giaiđoạn2010 – 2018.

**D.** Thay đổicơ cấu diệntích lúa nướcta, giaiđoạn2010 – 2018.

**Câu 3.** Cho biểu đồ về tài nguyên rừng nước ta giai đoạn 1943 – 2013:

Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào dưới đây?

 **A.** Tốc độ tăng trưởng diện tích và độ che phủ rừng nước ta.

 **B.** Sự biến động diện tích và độ che phủ rừng của nước ta.

 **C.** Quy mô, cơ cấu diện tích rừng nước ta.

 **D.** Sự chuyển dịch cơ cấu diện tích rừng nước ta.

**Câu 4:** Cho biểu đồ:



TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG SẢN LƯỢNG LÚA CÁC MÙA VỤ CỦA NƯỚC TA,

GIAI ĐOẠN 2010 - 2018

 *(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)*

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về tốc độ tăng trưởng sản lượng lúa các mùa vụ của nước ta?

**A.** Tốc độ tăng trưởng sản lượng lúa mùa nhanh hơn lúa đông xuân.

**B.** Tốc độ tăng trưởng sản lượng lúa mùa cao nhất.

**C.** Tốc độ tăng trưởng sản lượng lúa các mùa vụ tăng liên tục

**D.** Tốc độ tăng trưởng sản lượng lúa hè thu cao hơn lúa đông xuân.

**Câu 5:** Cho biểu đồ:



SẢN LƯỢNG THAN VÀ ĐIỆN CỦA PHI-LI-PIN, GIAI ĐOẠN 2010 - 2018

 *(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)*

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng than và điện của Phi-li-pin giai đoạn 2010 - 2018?

**A.** Than tăng và điện giảm. **B.** Than tăng nhanh hơn điện.

**C.** Điện tăng nhiều hơn than. **D.** Cả than và điện đều giảm.

**Câu 6:** Cho bảng số liệu:

LAO ĐỘNG TỪ 15 TUỔI TRỞ LÊN PHÂN THEO THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN CỦA NƯỚC TA,

GIAI ĐOẠN 2010 - 2019

 *(Đơn vị: Nghìn người)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2014** | **2016** | **2019** |
| Thành thị | 14106,6 | 16525,5 | 17449,9 | 18094,5 |
| Nông thôn | 36286,3 | 37222,5 | 36995,4 | 37672,9 |

 *(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu lao động từ 15 tuổi trở lên phân theo thành thị và nông thôn nước ta giai đoạn 2010 - 2019, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

**A.** Tròn. **B.** Kết hợp. **C.** Đường. **D.** Miền.

**Câu 7:** Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THAN, DẦU THÔ VÀ ĐIỆN CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2000 - 2019

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2000** | **2005** | **2010** | **2019** |
| Than *(triệu tấn)*  | 11,6 | 34,1 | 44,8 | 46,4 |
| Dầu thô *(triệu tấn)*  | 16,3 | 18,5 | 15,0 | 13,1 |
| Điện *(tỉ kwh)*  | 26,7 | 52,1 | 91,7 | 227,5 |

 *(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng sản lượng than, dầu thô và điện của nước ta, giai đoạn 2000 - 2019, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

**A.** Cột. **B.** Đường. **C.** Kết hợp. **D.** Miền.

**Câu 8:** Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH CÁC LOẠI CÂY LÂU NĂM CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ NĂM 2018

 *(Đơn vị: Nghìn ha)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Tổng số** | **Cây công nghiệp lâu năm** | **Cây ăn quả** | **Cây lâu năm khác** |
| 2010 | 2 846,8 | 2 010,5 | 779,7 | 56,6 |
| 2018 | 3 482,3 | 2 228,4 | 989,4 | 264,5 |

 *(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện quy mô và cơ cấu diện tích các loại cây lâu năm của nước ta năm 2010 và năm 2018, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

**A.** Kết hợp. **B.** Tròn. **C.** Đường. **D.** Miền.

**Câu 9:** Cho bảng số liệu:

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NGOẠI THƯƠNG CỦA NƯỚC TA

 *(Đơn vị: triệu USD)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Tổng giá trị xuất nhập khẩu** | **Xuất khẩu** | **Nhập khẩu** |
| 2013 | 264065,5 | 132032,9 | 132032,6 |
| 2015 | 327792,6 | 162016,7 | 165775,9 |
| 2017 | 428333,9 | 215118,6 | 213215,3 |
| 2019 | 517545,2 | 264189,4 | 253355,8 |

 *(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện giá trị xuất, nhập khẩu của nước ta giai đoạn 2013 - 2019, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

**A.** Cột. **B.** Miền. **C.** Kết hợp. **D.** Đường.

**Câu 10:** Cho bảng số liệu:

SỐ DÂN VÀ TỈ LỆ GIA TĂNG DÂN SỐ TỰ NHIÊN CỦA NƯỚC TA QUA CÁC NĂM

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **1989** | **1999** | **2009** | **2014** | **2019** |
| Dân số *(triệu người)* | 64,4 | 76,3 | 86,0 | 90,7 | 96,2 |
| Tỉ lệ gia tăng dân số *(%)* | 2,1 | 1,51 | 1,06 | 1,08 | 0,9 |

 *(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)*

Theo bảng số liệu,để thể hiện số dân và tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của nước ta qua các năm, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

**A.** Tròn. **B.** Kết hợp. **C.** Miền. **D.** Đường.

**Câu 11:** Cho bảng số liệu sau:

CƠ CẤU SỬ DỤNG LAO ĐỘNG PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ NƯỚC TA

 *(Đơn vị: %)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **2009** | **2019** |
| Nông - lâm - thủy sản | 53,9 | 35,3 |
| Công nghiệp - xây dựng | 20,3 | 29,2 |
| Dịch vụ | 25,8 | 35,5 |

 *(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)*

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây **không** đúng với tỉ trọng lao động phân theo khu vực kinh tế nước ta từ 2009 - 2019?

**A.** Công nghiệp - xây dựng giảm. **B.** Năm 2019, dịch vụ cao nhất.

**C.** Nông - lâm - thủy sản giảm. **D.** Dịch vụ tăng.

**Câu 12:** Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ MỘT SỐ VÙNG NƯỚC TA, NĂM 2019

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Vùng** | **Diện tích** *(km2)* | **Dân số** *(nghìn người)* |
| Trung du và miền núi Bắc Bộ | 95 221,9 | 12 569,3 |
| Tây Nguyên | 54 508,3 | 5 861,3 |
| Đông Nam Bộ | 23 552,8 | 17 930,3 |
| Đồng bằng sông Cửu Long | 40 816,4 | 17282,5 |

 *(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)*

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh mật độ dân số của các vùng nước ta, năm 2019?

**A.** Đồng bằng sông Cửu Long cao hơn Đông Nam Bộ.

**B.** Tây Nguyên cao hơn Đồng bằng sông Cửu Long.

**C.** Trung du và miền núi Bắc Bộ cao hơn Đông Nam Bộ.

**D.** Trung du và miền núi Bắc Bộ cao hơn Tây Nguyên.

**Câu 13:** Cho bảng số liệu sau:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG LÚA CỦA NƯỚC TA NĂM 1990 VÀ NĂM 2018

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **Diện tích** *(nghìn ha)* | **Sản lượng** *(nghìn tấn)* |
| 1990 | 6 042,8 | 19 225,1 |
| 2018 | 7 570,9 | 44 046,0 |

 *(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)*

Căn cứ vào bảng số liệu trên, năng suất lúa của nước ta năm 2018 là

**A.** 5,82 tạ/nghìn ha **B.** 5,82 nghìn tấn/ha **C.** 58,2 tạ/ha **D.** 58,17 kg/ha.